

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

*(Ban hành theo Quyết định số 58 /QĐ-CDVP ngày 27 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc)*

I. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
 - + Tên tiếng Anh: Preschool Education
- Mã ngành đào tạo: **51140201**
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Trường cấp bằng: Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc
- Tên văn bằng: Cử nhân
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đào tạo cao đẳng Giáo dục Mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn giáo viên Mầm non cho tỉnh Vĩnh Phúc và các địa phương lân cận trong công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục Việt Nam đáp ứng công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế.

Đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non có kiến thức lý thuyết và thực tế về ngành giáo dục Mầm non; nắm vững phương pháp, kỹ năng cơ bản để chăm sóc, giáo dục; tổ chức các hoạt động, chương trình giáo dục cho trẻ mầm non đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam để đáp ứng công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, vận dụng được kiến thức, tư duy, kỹ năng và các phương pháp được đào tạo vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

M1: Người học biết các kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non; Người học biết và vận dụng được các kiến thức đại cương về tâm lý, giáo dục học, ngoại ngữ, tin học; kiến thức về tâm lý, sinh lý, đặc điểm tâm lí lứa tuổi, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách của trẻ em lứa tuổi Mầm non, kĩ năng giao tiếp sư phạm trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

M2: Người học biết các mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non; các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ngôn ngữ, văn học, tiếng việt, mỹ thuật, âm nhạc, môi trường và con người, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

M3: Người học vận dụng được các kiến thức chuyên ngành giáo dục mầm non: kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non (sự phát triển thể chất trẻ lứa tuổi mầm non, vệ sinh dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non), phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non trên tất cả các lĩnh vực (phát triển ngôn ngữ, làm quen văn học, hình thành biểu tượng toán, giáo dục thể chất, khám phá khoa học về môi trường xung quanh, kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng dạy học, đồ chơi, làm quen với Tiếng Anh), kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

Kỹ năng

M4: Người học thực hành các kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ, sử dụng kết quả đánh giá vào trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ; thiết kế kế hoạch giáo dục; tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

M5: Người học có ý thức tổ chức kỷ luật, có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, yêu nghề, yêu mến trẻ; hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm tích cực, năng động, sáng tạo trong công việc.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của CTĐT
Cr01	Vận dụng kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non vào triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao.
Cr02	Phân tích được những kiến thức đại cương về tâm lý, giáo dục học; kiến thức về tâm lý, sinh lý, đặc điểm tâm lí lứa tuổi, các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức, nhân cách của trẻ em lứa tuổi Mầm non, kỹ năng giao tiếp sư phạm trong thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.
Cr03	Phân tích được mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, ngôn ngữ, văn học, tiếng việt, mỹ thuật, âm nhạc, môi trường và con người, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non và vận dụng chúng việc triển khai các hoạt động giáo dục, trong việc giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi cho trẻ mầm non.
Cr04	Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành giáo dục mầm non: kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non (sự phát triển thể chất trẻ lứa tuổi mầm non, vệ sinh dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non), phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non trên tất cả các lĩnh vực (phát

	triển ngôn ngữ, làm quen văn học, hình thành biểu tượng toán, giáo dục thể chất, khám phá khoa học về môi trường xung quanh, kiến thức nâng cao về mỹ thuật, âm nhạc, làm đồ dùng dạy học, đồ chơi, làm quen với Tiếng Anh), kiến thức về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật vào việc chăm sóc, giáo dục và tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.
Cr05	Ứng dụng được công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
Cr06	<i>Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo</i> + Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá vào trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. + Phát hiện, xác định, phân tích và giải quyết được các vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.
Cr07	<i>Kỹ năng thực hành</i> + Lập kế hoạch định hướng phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế. + Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em. + Tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục: thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp và các hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ, quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả. + Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
Cr08	<i>Kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc</i> + Giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng trên tinh thần tôn trọng, hợp tác, chia sẻ. + Hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
Cr09	Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
Cr10	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong tổ chức các hoạt động của nhà trường mầm non, thích ứng với các điều kiện làm việc thay đổi.
Cr11	Hướng dẫn, giám sát trẻ, đồng nghiệp, gia đình, cộng đồng trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đối với các nhiệm vụ được giao.
Cr12	Tự đánh giá chất lượng công việc của bản thân, đánh giá chất lượng công việc của đồng nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Thời gian đào tạo

3 năm (110 tín chỉ)

4. Nội dung Chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 110 tín chỉ.

Số tín chỉ phải tích lũy:

110 tín chỉ

4.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	30
	- Bắt buộc	30
	- Tự chọn	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	29
	+ Bắt buộc	26
	+ Tự chọn	3
3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	39
	+ Bắt buộc	36
	+ Tự chọn	3
4	Thực tập	7
5	Học phần tốt nghiệp /khóa luận tốt nghiệp	5
	Tổng cộng: (không tính học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất)	110

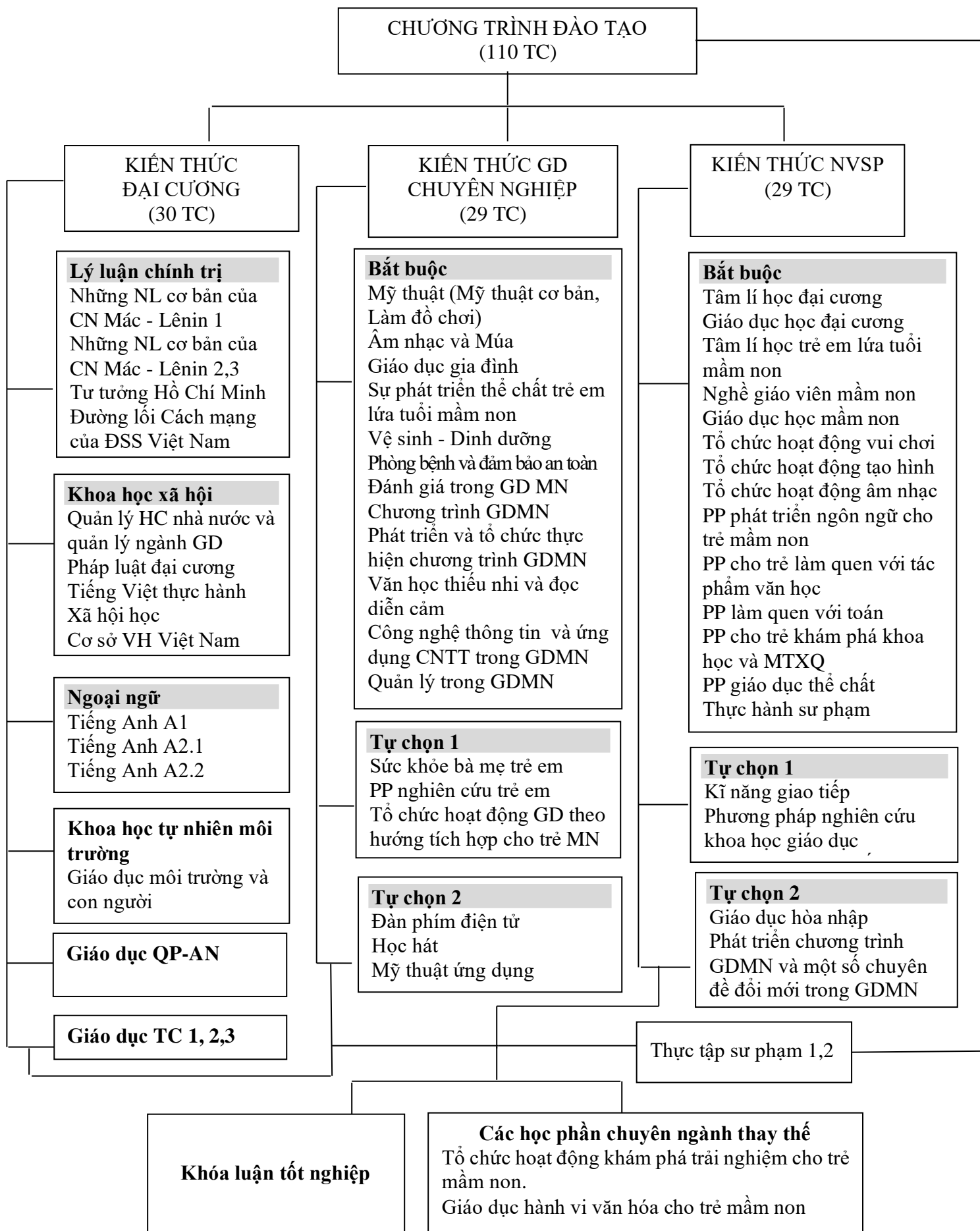
4.2 Khung Chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Mã học phần	số TC	Số tiết	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Ghi chú
I	Kiến thức Giáo dục đại cương		30	615							
	Bắt buộc										
I.1	Lý luận chính trị		10	150							
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	CT01.1.01.2	2	30	2						
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2,3	CT02.2.02.3	3	45		3					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT03.3.03.2	2	30			2				
4	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	CT04.4.04.3	3	45				3			
I.2	KHXH, nhân văn, nghệ thuật		10	225							
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	QL01.6.05.2	2	30						2	
6	Pháp luật đại cương	PL01.3.06.2	2	30			2				
7	Tiếng Việt thực hành	C201DC.1.07.3	3	45	3						
8	Xã hội học	C201DC.5.08.1	1	15					1		
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	C201DC.5.09.2	2	30					2		
I.3	Ngoại ngữ		7	105							
10	Tiếng Anh A1	TA01.1.10.2	2	30	2						
11	Tiếng Anh A2.1	TA02.2.11.2	2	30		2					
12	Tiếng Anh A2.2	TA03.3.12.3	3	45			3				
I.4	Khoa học tự nhiên, môi trường		3	45							

13	Giáo dục môi trường và con người	C201DC.5.13.3	3	45					3		
I.5	Giáo dục Quốc phòng-an ninh	GDQP									Cấp CC
I.6	Giáo dục thể chất		3	90							Cấp CC
14	Giáo dục thể chất 1	TC01.1.14.1	1	30	1						
15	Giáo dục thể chất 2	TC02.2.15.1	1	30		1					
16	Giáo dục thể chất 3	TC03.3.16.1	1	30			1				
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		33	495							
	Bắt buộc										
17	Mỹ thuật (Mỹ thuật cơ bản, Làm đồ chơi)	C201CN.1.17.2	2	30	2						Thực hành
18	Âm nhạc và Múa	C201CN.2.18.3	3	45		3					Thực hành
19	Giáo dục gia đình	C201CN.4.19.1	1	15				1			
20	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	C201CN.1.20.2	2	30	2						
21	Vệ sinh - Dinh dưỡng	C201CN.3.21.2	2	30			2				
22	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	C201CN.4.22.2	2	30				2			
23	Đánh giá trong giáo dục mầm non	C201CN.4.23.2	2	30				2			
24	Chương trình giáo dục mầm non	C201CN.1.24.2	2	30	2						
25	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	C201CN.5.25.3	3	45					3		
26	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	C201CN.2.26.2	2	30		2					
27	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	C201CN.3.27.2	3	45				3			
28	Quản lý trong giáo dục mầm non	C201CN.6.28.2	2	30						2	
29	Tâm lý học đại cương	TL01.1.35.2	2	30	2						
30	Giáo dục học đại cương	GD01.3.36.2	2	30			2				
	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 học phần)		2	30					2		
31	Sức khỏe bà mẹ trẻ em	C201CN.5.29.2	2	30					2		
32	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	C201CN.5.30.2	2	30					2		
33	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN	C201CN.5.31.2	2	30					2		
	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần)		1	15					1		
34	Đàn phím điện tử	C201CN.5.32.1	1	15					1		Thực hành
35	Học hát	C201CN.5.33.1	1	15					1		Thực hành
36	Mỹ thuật ứng dụng	C201CN.5.34.1	1	15					1		Thực hành

III	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		35	525							
	Bắt buộc										
37	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	C201NV.2.37.5	5	75		5					
38	Nghề giáo viên mầm non	C201NV.1.38.1	1	15	1						
39	Giáo dục học mầm non	C201NV.5.39.3	3	45				3			
40	Tổ chức hoạt động vui chơi	C201NV.6.40.3	3	45						3	
41	Tổ chức hoạt động tạo hình	C201NV.3.41.2	2	30		2					
42	Tổ chức hoạt động âm nhạc	C201NV.4.21.2	2	30				2			
43	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	C201NV.2.43.3	3	45		3					
44	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	C201NV.4.44.2	2	30				2			
45	Phương pháp làm quen với toán	C201NV.2.45.2	2	30		2					
46	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh	C201NV.3.46.3	3	45				3			
47	Phương pháp giáo dục thể chất	C201NV.3.47.2	2	30				2			
48	Thực hành sư phạm	C201NV.3.48.4	4	60				4			Thực hành
	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 HP)		1	15					1		
49	Kỹ năng giao tiếp	C201NV.5.49.1	1	15					1		
50	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	C201NV.5.50.1	1	15					1		
51	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	C201NV.5.51.1	1	15					1		
	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP)		2	30					2		
52	Giáo dục hòa nhập	C201NV.5.52.2	2	30					2		
53	Phát triển chương trình GDMN và một số chuyên đề đổi mới trong GDMN	C201NV.6.53.2	2	30					2		
IV	Thực tập		7	105							
54	Thực tập sư phạm 1	C201TT.3.54.3.	3	45				3			
55	Thực tập sư phạm 2	C201TT.6.55.4	4	60						4	
V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên ngành thay thế		5	75							
56	Khóa luận tốt nghiệp	C201TN.6.56.5	5	75						5	
	Các HP chuyên ngành thay thế										
57	Tổ chức hoạt động khám phá trải nghiệm cho trẻ mầm non	C201TN.6.57.3	3	45						3	
58	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	C201TN.6.58.2	2	30						2	
	Tổng cộng		110	1815	16	20	22	18	18	16	

4.3. Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo



5. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Chính sách tuyển sinh:

+ Xét điểm thi tốt nghiệp THPT và kết hợp thi tuyển môn năng khiếu: Thi năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) kết hợp sử dụng kết quả kỳ thi của thí sinh dự thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét tuyển Điểm TBC lớp 12 kết hợp thi tuyển môn năng khiếu: Thi tuyển năng khiếu (Hát, Đọc diễn cảm) và kết hợp xét tuyển Điểm trung bình cả năm lớp 12.

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hằng năm được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh của nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Phương thức đào tạo: Chính quy theo hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là đào tạo được tổ chức theo đơn vị học kỳ; sinh viên chủ động lựa chọn theo quy định của Trường để học và tích lũy từng học phần đảm bảo đủ, đúng số tín chỉ cho tới khi hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo. Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo thì được xét cấp bằng tốt nghiệp.

Thời gian tổ chức giảng dạy của trường được quy định tùy theo tình hình thực tế của trường, từ 7 giờ đến 19 giờ hằng ngày.

Sinh viên được miễn trừ, bảo lưu và công nhận kết quả học tập theo quy định cụ thể của nhà trường

6.2. Tổ chức lớp học: Theo lớp học phần và lớp khóa học

Địa điểm đào tạo được thực hiện tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc; trong đó, có thể tổ chức giảng dạy ngoài Trường các nội dung về An ninh - Quốc phòng, Giáo dục thể chất và các nội dung thực hành, thực tập trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo.

Lớp khóa học: Lớp khóa học được tổ chức theo khoá học, ngành học. Lớp khóa học duy trì ổn định trong cả khoá đào tạo, có tên lớp và hệ thống tổ chức lớp, đoàn thể được quy định cụ thể trong Quy chế công tác học sinh - sinh viên.

Lớp học phần: Là lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần có thời khoá biểu, lịch thi và có mã số lớp học riêng.

Số lượng tối thiểu để nhà trường mở lớp học phần trong học kỳ chính đối với các học phần là 30 sinh viên đăng ký; Các học phần chuyên ngành nghệ thuật, thực hành, thí nghiệm có số sinh viên tối thiểu là 15. Đối với các lớp học lại, học bù, học cải thiện điểm, học vượt và những trường hợp đặc biệt, số lượng sinh viên lớp học phần do Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng đề nghị Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

6.3. Đánh giá kết quả học tập:

6.3.1. Đánh giá điểm học phần, điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính như sau:

a) Điểm đánh giá bộ phận (**ĐBP**): là trung bình cộng của các điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2. Điểm bộ phận được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, cụ thể:

- Điểm đánh giá chuyên cần, ý thức thái độ tham gia học tập (**ĐCC**): có 01 điểm đánh giá theo thang điểm 10, bao gồm:

+ Phần đánh giá chuyên cần (**PCC**) tối đa được 5 điểm, tính theo bảng sau:

Số tiết tham gia học tập	Điểm
< 80%	0
từ 80% đến < 90%	4
≥ 90%	5

+ Phần đánh giá ý thức thái độ học tập (**PYT**): Sinh viên có ý thức chuẩn bị bài tốt, tham gia tích cực các hoạt động học tập, chấp hành tốt nội quy khi kiểm tra, ... đạt tối đa 5 điểm. Nếu không tích cực học tập hoặc vi phạm nề nếp học tập, quy chế kiểm tra, ... thì tùy theo mức độ nặng nhẹ mà trừ tương ứng từ 1 đến 5 điểm. Phần đánh giá ý thức thái độ học tập chỉ đạt điểm tối đa (**PYT** = 5 điểm) khi phần đánh giá chuyên cần đạt từ 4 điểm trở lên.

+ **ĐCC** = **PCC** + **PYT**

- Điểm kiểm tra thường xuyên: được tính hệ số 1. Số bài kiểm tra thường xuyên của một học phần được tính như sau: học phần từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra; học phần từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra.

- Điểm kiểm tra định kỳ: được tính hệ số 2. Số bài kiểm tra định kỳ của một học phần được tính như sau: học phần từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra; học phần từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra.

Sinh viên không dự kiểm tra bài nào nếu không có lý do chính đáng thì nhận điểm 0 bài đó. Bài kiểm tra định kỳ phải lưu tại Khoa (Tổ) quản lý nội dung đào tạo ít nhất một năm.

b) Điểm thi kết thúc học phần (**ĐTHP**) được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

c) Điểm đánh giá học phần (**ĐHP**) được làm tròn đến hai chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{ĐHP} = \mathbf{ĐBP} \times \mathbf{0,4} + \mathbf{ĐTHP} \times \mathbf{0,6}$$

d) Điểm học phần đạt yêu cầu khi có điểm đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi.

2. Đối với các học phần thực hành: Điểm học phần (ĐHP) là trung bình cộng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2, làm tròn đến một chữ số thập phân. Số lần kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ của một học phần được tính như sau: học phần từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra; học phần từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra.

3. Đối với thực hành sư phạm và thực tập sư phạm:

Thực hành sư phạm và thực tập sư phạm có thời lượng, nội dung được quy định trong chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục đích, nội dung, địa điểm, hình thức hoạt động thực hành, thực tập sư phạm, việc tổ chức thực hành, thực tập sư phạm và điểm đánh giá thực hành, thực tập sư phạm được thực hiện theo Quy định về thực tập sư phạm của nhà trường phù hợp với các quy định về thực tập sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

5. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: là số thứ tự học phần;

+ a_i : là điểm của học phần thứ i;

+ n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i;

+ n: là tổng số học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm học phần được miễn trừ và học phần điều kiện.

c) Trường hợp sinh viên được tạm hoãn học học phần thì chưa tính khối lượng học tập của học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

6. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc học phần có điểm cao nhất.

7. Các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh là hai học phần điều kiện; kết quả đánh giá hai học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

6.3.2. Quy đổi điểm học phần và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

1. Quy đổi điểm học phần

a) Điểm học phần được tính theo quy định của Quy chế theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến hai chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A (8,50 - 10)	Giỏi
	B (7,00 - 8,49)	Khá
	C (5,50 - 6,99)	Trung bình
	D (4,00 - 5,49)	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F (dưới 4,0)	Kém

b) Chuyển đổi kết quả học tập từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ: Trong trường hợp tiếp nhận sinh viên từ trường khác (đào tạo theo học chế niên chế) chuyển đến, chỉ những học phần có điểm đánh giá từ 5,0 trở lên mới được công nhận và được quy đổi như sau:

TT	Điểm gốc theo học chế niên chế (thang điểm 10)	Điểm chuyển đổi theo học chế tín chỉ	
		Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	8,5 - 10	A	4
2	7,00 - 8,49	B	3
3	5,50 - 6,99	C	2
4	5,0 - 5,49	D	1

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:

A tương ứng với 4

B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

3. Quy định về sử dụng các thang điểm:

a) Thang điểm 10 được sử dụng để cho các điểm đánh giá chuyên cần, điểm KTTX, điểm KTĐK, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần.

b) Thang điểm chữ gồm các chữ A, B, C, D, F được quy đổi từ thang điểm 10 như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

c) Thang điểm 4 được quy đổi từ thang điểm chữ như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4	Xếp loại	
1	Từ 8,50 đến 10	A	4,0	Giỏi	Đạt
2	Từ 7,00 đến 8,49	B	3,0	Khá	
3	Từ 5,50 đến 6,99	C	2,0	Trung bình	
4	Từ 4,00 đến 5,49	D	1,0	Trung bình yếu	
5	Dưới 4,00	F	0	Kém	Không đạt

6.4. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác trong đó có các Chứng chỉ về Ngoại ngữ, Tin học... do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

8. Phương pháp dạy - học, và kiểm tra đánh giá

8.1. Phương pháp dạy - học

TT	Phương pháp dạy học	1					2				3		
		Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ, trách nhiệm và nghề nghiệp		
		Cr01	Cr02	Cr03	Cr04	Cr05	Cr06	Cr07	Cr08	Cr09	Cr10	Cr11	Cr12
1.	Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X		X	X			X	X	
3.	Thảo luận	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
4.	Trò chơi		X	X	X			X				X	
5.	Nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6.	Ứng dụng CNTT	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

8.2. Phương pháp Kiểm tra đánh giá

Chuẩn đầu ra		Hình thức kiểm tra đánh giá
Kiến thức	Cr01	Trắc nghiệm; tự luận; vấn đáp, bài tập
	Cr02	
	Cr03	
	Cr04	
	Cr05	
Kỹ năng	Cr06	Thảo luận; hoạt động thực hành; thực tập
	Cr07	
	Cr08	
	Cr09	
Năng lực tự chủ, trách nhiệm và nghề nghiệp	Cr10	Đánh giá bằng kết quả nhận xét, đánh giá thực tập của các nhà trường
	Cr11	
	Cr12	

9. Các chương trình đào tạo được đối sánh

Khung chương trình ngành GD Mầm non của các trường: Đại học Hạ Long; CĐSP Hòa Bình; CĐSP Nam Định; CĐSP Mẫu giáo Trung ương; CĐ Ngô Gia Tự.

10. Mô tả tóm tắt học phần

TT	Tên học phần	số TC	Mô tả tóm tắt học phần
I	Kiến thức Giáo dục đại cương	30	

	Bắt buộc		
I.1	Lý luận chính trị	10	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để sinh viên có thể tiếp cận được nội dung các môn học: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2,3; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từng bước thiết lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2,3	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2&3 là học phần thuộc kiến thức giáo dục cơ bản trong chương trình khung giáo dục Đại học, Cao đẳng thuộc nhóm ngành khoa học chính trị, nó quan hệ chặt chẽ với các môn khoa học xã hội nhân văn mà đặc biệt là môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu góp phần quan trọng vào việc củng cố nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng và là kim chỉ nam hành động của cách mạng Việt Nam, nâng cao nhận thức, tình cảm và niềm tin đối với sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho sinh viên. Hiểu rõ mục đích, con đường, lực lượng, cách thức bước đi của sự nghiệp giải phóng con người. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống để hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam; góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị, từ đó giúp các em biết vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1: trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7: trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.
4	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 08 chương. Chương 1 đến Chương 3 đi sâu nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và lãnh đạo của ĐCCSVN với sự nghiệp đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Chương 4 đến chương 8 nghiên cứu đường lối lãnh đạo của ĐCSVN thời kỳ đổi mới và hội nhập trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Qua các kiến thức lý luận, giúp sinh viên liên hệ, vận dụng sự lãnh đạo của Đảng trong việc học tập các học phần khác và học phần chuyên ngành.
I.2	KHXH, nhân văn, nghệ thuật	10	
5	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	2	Học phần Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục và đào tạo (QLHCNN& QLNGD&ĐT) là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo sinh sư phạm. Học phần giúp cho sinh viên được tiếp cận, tìm hiểu rõ về

			<p>Văn kiện, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước cùng các Bộ luật như:</p> <p>Bộ luật Hiến pháp, Luật chính nhà nước, Luật Viên chức, Luật Giáo dục, luật lao động, Thông tư của Bộ giáo dục, Thông thư liên tịch, Điều lệ trường Trung học cơ sở, Điều lệ trường tiểu học, Điều lệ trường mầm non, các quy định, quy chế của nhà trường... Học xong học phần này, người học sẽ vận dụng được kiến thức vào thực tiễn sau khi ra trường giúp cho việc thực hiện các quy định trong công tác giảng dạy, công tác quản lí nhà trường đạt hiệu quả cao.</p>
6	Pháp luật đại cương	2	<p>Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức cơ bản về những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.</p>
7	Tiếng Việt thực hành	3	<p>Học phần Tiếng Việt thực hành cung cấp cho sinh viên mầm non những kiến thức chuẩn về việc hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên; trang bị những kiến thức về từ, câu, đoạn văn, văn bản cho sinh viên. Học xong học phần này sinh viên biết dùng từ chuẩn, nói và viết câu đúng, có khả năng tạo lập và tiếp nhận văn bản. Ra trường, sinh viên sẽ dạy cho trẻ mầm non cách sử dụng tiếng Việt (nghe, nói) đúng chuẩn mực.</p>
8	Xã hội học	1	<p>Xã hội học là một học phần đại cương, được giảng dạy vào học kỳ 5 của chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng. Học phần bao gồm 4 chương, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về các vấn đề xã hội như: hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội, cơ cấu xã hội và vấn đề xã hội hóa cá nhân. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để điều chỉnh hành vi, nhận thức xã hội của mình, đặc biệt là hiểu được vai trò của môi trường giáo dục nói chung và trường mầm non nói riêng đối với sự hình thành và phát triển của trẻ.</p>
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	<p>Là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương về khoa học xã hội. Học phần gồm 4 bài, trang bị cho sinh viên các khái niệm chung, khái quát về văn hóa Việt Nam và đặc trưng cơ bản của các thành tố văn hóa Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường). Nội dung học phần sẽ hỗ trợ kiến thức cho học phần chuyên ngành “Giáo dục gia đình” và học phần tốt nghiệp “Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non”.</p>
I.3	Ngoại ngữ	7	
10	Tiếng Anh A1	2	<p>Tiếng Anh A1 là một học phần quan trọng trong đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như giới thiệu thông tin cá nhân, thói quen hàng ngày, sở thích, thực phẩm, đồ uống, Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập và nâng cao khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh.</p>

11	Tiếng Anh A2.1	2	<p>Học phần Tiếng Anh 2.1 là sự tiếp nối của học phần Tiếng Anh A1, gồm có 04 bài. Nội dung của bài 1 chủ yếu đề cập đến các hoạt động thường ngày của con người, về các từ loại chỉ hoạt động, ôn tập thì hiện tại đơn, cách nói về thời gian, và miêu tả các sinh hoạt của con người,...</p> <p>Nội dung của bài 2 tập trung vào giới thiệu các vấn đề cơ bản liên quan đến những con người và đất nước nơi họ sinh sống, ôn tập thì quá khứ đơn, nghe và nói về đất nước con người trên thế giới, tóm tắt và viết một câu chuyện về 1 người nào đó.</p> <p>Nội dung bài 3 hướng dẫn cách sử dụng câu điều kiện loại một, cách nói về một sự việc sẽ xảy ra, nghe mọi người chia sẻ những việc họ sẽ làm trong tương lai. Ngoài ra, bài 3 dạy cho người học cách phân tích, dự đoán viết về một việc sẽ xảy ra trong tương lai.</p> <p>Nội dung bài 4 cung cấp lượng từ vựng phong phú về các loại quần áo, trang phục, hướng dẫn sinh viên cách so sánh giữa các vật với nhau, giữa người này với người khác. Ngoài ra, sinh viên sẽ nghe và so sánh giá cả các mặt hàng ở các thành phố khác nhau trên thế giới, viết về ngoại hình, tính cách của một người bạn lý tưởng</p>
12	Tiếng Anh A2.2	3	<p>Tiếng Anh A2.2 là một học phần quan trọng đối với sinh viên ngành giáo dục Mầm Non. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được những khả năng như: Vận dụng được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm), trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.</p>
I.4	Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học, công nghệ, môi trường	3	
13	Giáo dục môi trường và con người	3	<p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ giữa con người với môi trường và nội dung, phương pháp giáo dục môi trường ở trường Mầm non.</p>
I.5	Giáo dục Quốc phòng-an ninh		Cấp CC
I.6	Giáo dục thể chất	3	Cấp CC
14	Giáo dục thể chất 1	1	<p>Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn GDTC 1: GDTC trong trường ĐH, CĐ, cơ sở khoa học của GDTC. Kỹ thuật môn Chạy cự ly ngắn, môn chạy cự ly Trung bình, kỹ thuật môn nhảy xa kiểm ngòi, các bài tập về Đội hình, đội ngũ các bài tập với nội dung đơn giản, các bài tập di chuyển mang vác, các bài tập với xà (xà đơn của Nam, xà lệch của Nữ).</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên các động tác, kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện, phương pháp xây dựng các bài tập luyện giúp sinh viên biết sử dụng bài tập GDTC làm phương tiện để rèn luyện sức khỏe, phát huy khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.</p> <p>Giúp sinh viên có sức khỏe tốt có tinh thần sáng tạo thoải mái qua đó giúp sinh viên học tập tốt các môn học khác.</p>
15	Giáo dục thể chất 2	1	

16	Giáo dục thể chất 3	1	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	29	
	Bắt buộc		
17	Mỹ thuật (Mỹ thuật cơ bản, Làm đồ chơi)	2	<p>Học phần Mỹ thuật gồm 2 tín chỉ tương đương 30 tiết, là học phần thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Học phần Mỹ thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hoạt động tạo hình như: Những lí luận chung về nghệ thuật tạo hình, Luật xa gần và tỷ lệ người, Vẽ theo mẫu, Màu sắc và trang trí, Tranh đề tài, mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của môn mỹ thuật với sự phát triển toàn diện của trẻ; phương pháp, hình thức tổ chức và các thể loại tạo hình ở trường mầm non; Sau khi học xong học phần mỹ thuật sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào tổ chức các hoạt động mỹ thuật cho trẻ ở trường mầm non, thực hiện được mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu phát triển thẩm mỹ nói riêng cho trẻ.</p> <p>Học phần Mỹ thuật (Phần Làm đồ chơi) là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về đồ chơi và rèn luyện kỹ năng thực hành làm đồ chơi cho trẻ mầm non. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào quá trình công tác tại trường mầm non sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn chăm sóc – giáo dục trẻ.</p>
18	Âm nhạc và Múa	3	<p>Học phần Âm nhạc và múa gồm 03 tín chỉ tương đương 45 tiết, là học phần bắt buộc thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non.</p> <p>Học phần giới thiệu vắn tắt về nhạc lí cơ bản, tập đọc nhạc, học hát và sơ lược về nghệ thuật múa để phục vụ cho việc dạy âm nhạc ở trường mầm non.</p> <p>Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong việc tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc chính khóa cũng như các hoạt động ngoại khóa cho trẻ ở trường mầm non.</p>
19	Giáo dục gia đình	1	<p>+ Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của môn Giáo dục gia đình. Chủ yếu tập trung vào các vấn đề lý luận chung về gia đình và giáo dục con trong gia đình ở các giai đoạn phát triển tâm, sinh lý của trẻ.</p> <p>+ Giúp sinh viên vận dụng kiến thức được trang bị để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục trẻ ở môi trường gia đình cũng như công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục Mầm non.</p> <p>+ Môn học có mối quan hệ biện chứng với các môn học khác như: Xã hội học, Cơ sở văn hóa Việt Nam; Tâm lí học; Giáo dục học đại cương; Triết học Mác- Lenin; Tư tưởng Hồ Chí Minh....</p>
20	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	<p>- Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về sự phát triển thể chất trẻ em : (các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ).</p> <p>- Đặc điểm giải phẫu và sinh lý các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non : (Hệ thần kinh, Các cơ quan phân tích; Hệ cơ - xương; Hệ hô hấp; Hệ tuần hoàn; Hệ tiêu hoá ; Sự</p>

			trao đổi chất và năng lượng; Hệ bài tiết; Da; Hệ sinh dục; Tuyến nội tiết).
21	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	<p>- Vệ sinh học: Giới thiệu cho sinh viên nắm được thế nào là Vi sinh vật, sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và kí sinh ở người; Một số VSV gây bệnh thường gặp; Kí sinh trùng và các biện pháp phòng tránh. Đại cương về dịch tễ học và miễn dịch học; Các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong trường mầm non. Chế độ vệ sinh ở trường mầm non.</p> <p>- Dinh dưỡng học: Sinh viên nắm được thế nào là dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của nó; Năng lượng và chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi. Một số bệnh thường gặp ở trẻ do dinh dưỡng không hợp lý.</p>
22	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	Đại cương về bệnh học trẻ em, các bệnh thường gặp ở trẻ em, các bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp ở trẻ; Bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.
23	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non như: Khái niệm, ý nghĩa, vị trí vai trò, chức năng, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức của đánh giá trong giáo dục mầm non. Từ những kiến thức lý thuyết, sinh viên được thực hành thiết kế những bộ công cụ, những bài tập đánh giá như đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá giáo viên mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non phù hợp với từng giai đoạn lứa tuổi. Sau khi học xong học phần, sinh viên vận dụng được những kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non vào quá trình học tập các học phần chuyên ngành tại trường cũng như quá trình công tác tại trường mầm non, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn chăm sóc giáo dục trẻ.
24	Chương trình giáo dục mầm non	2	Chương trình GDMN là một học phần quan trọng trong đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về toàn bộ chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3 tháng tuổi – 6 tuổi. Trên cơ sở những hiểu biết về chương trình, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập các bộ môn của chuyên ngành, đặc biệt là các học phần phương pháp dạy học bộ môn và việc phát triển, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
25	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về phát triển chương trình giáo dục mầm non; lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng quá trình phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non sau này ở trường mầm non, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn giáo dục trẻ.
26	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	Văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm cung cấp cho người học vốn kiến thức cơ bản về bức tranh tổng quát của văn học

			<p>thiếu nhi Việt Nam trong mối tương quan với nền văn học dân tộc. Ngoài ra, còn cung cấp cho người học những hiểu biết về nghệ thuật đọc, kể diễn cảm với những đôi mới về hình thức tổ chức và nội dung mang tính tích hợp. Thông qua những kiến thức về văn học thiếu nhi cũng giúp cho người học nâng cao trình độ nhận thức xã hội, con người; làm phong phú, trong sáng tâm hồn và tình cảm; đồng thời bồi dưỡng một thái độ sống giàu tính nhân văn phù hợp với giáo dục mầm non. Trên cơ sở hiểu biết các kiến thức trong học phần, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập các bộ môn của chuyên ngành. Đặc biệt, sinh viên biết lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp với độ tuổi, kết hợp với những kỹ năng cơ bản trong nghệ thuật đọc, kể diễn cảm thơ, truyện để đưa vào chương trình dạy trẻ.</p>
27	Công nghệ thông tin và ứng dụng CNTT trong GDMN	3	<p>Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề cơ bản về CNTT và truyền thông, giới thiệu cách sử dụng hệ điều hành Windows để quản lý thông tin trong máy tính và sử dụng hai phần mềm ứng dụng MS. Word và MS. PowerPoint để sinh viên vận dụng trong quá trình học tập tại trường và giảng dạy, công tác sau khi ra trường. Trong học phần cũng giới thiệu cách thức sử dụng một số phần mềm phổ biến hiện đang đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục mầm non. Sử dụng mạng Internet để tìm kiếm, trao đổi, khai thác thông tin phục vụ cho việc giảng dạy bậc mầm non.</p>
28	Quản lý trong giáo dục mầm non	2	<p>- Học phần Quản lý giáo dục Mầm non chuyên nghiên cứu về công tác quản lý nói chung, quản lý giáo dục và đặc biệt là nghiệp vụ quản lý trường mầm non cũng như nhiệm vụ quản lý nhóm lớp... của giáo viên mầm non. + Sinh viên được học tập, nghiên cứu học phần này sẽ giúp các em hiểu rõ về nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc, phương pháp hay đặc trong công tác quản lý nhà trường cũng như công tác quản lý nhóm lớp. + Khi nghiên cứu học tập xong học phần quản lý giáo dục mầm non sinh viên sẽ lập được kế hoạch cho năm học, từng tháng, từng tuần... giúp cho việc dạy và học của các nhà trường mầm non đạt hiệu cao. Để học tốt học phần này sinh viên cần học tốt các học phần trước như: Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo. Tâm lý học lứa tuổi. Kiểm tra đánh giá... Do đó, trong quá trình giảng dạy học phần này giảng viên phải vận dụng những kiến thức của các học phần trên linh hoạt giúp bài giảng thành công và người học nắm vững kiến thức của môn học.</p>
	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 HP)	2	
29	Sức khỏe bà mẹ trẻ em	2	
30	Phương pháp nghiên cứu trẻ em	2	<p>Học phần Phương pháp nghiên cứu trẻ em là một trong số nhiều học phần đặc thù quan trọng, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Nó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và nghiên cứu trẻ em nói riêng, hình thành khả năng nghiên cứu, đánh giá sự phát triển của trẻ, qua đó bồi dưỡng</p>

			thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ. Thông qua học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức về mặt lý luận trong nghiên cứu trẻ em, giúp họ nắm được phương pháp luận nghiên cứu trẻ em, các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu trẻ em, các phương pháp nghiên cứu trẻ em, được thực hành tổ chức các hoạt động nghiên cứu, từ đó bồi dưỡng kỹ năng thực hiện hoạt động nghiên cứu trẻ em ở trường mầm non.
31	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ MN	2	
	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 HP)	1	
32	Đàn phím điện tử	1	Học phần Đàn phím điện tử gồm 01 tín chỉ tương đương 15 tiết, là học phần tự chọn 2 thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Học phần giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử: (cấu trúc cơ bản, nhận biết các nốt trên phím đàn, chức năng và cách sử dụng, cách bảo quản và tư thế tập); luyện các gam: Cdur, Fdur; bước đầu tập sử dụng một nhạc cụ để phục vụ cho việc dạy âm nhạc ở trường mầm non. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong việc tổ chức các dạng hoạt động âm nhạc chính khóa cũng như các hoạt động ngoại khóa cho trẻ ở trường mầm non.
33	Học hát	1	Thực hành
34	Mỹ thuật ứng dụng	1	Thông qua những bài tập thực hành của trang trí ứng dụng, học sinh nắm được những nguyên tắc bố cục, yêu cầu về bố cục một bài trang trí và đặc trưng của nhiều chuyên ngành khác nhau của mỹ thuật ứng dụng. Qua học phần này sinh viên nắm vững hình thức hai mẫu chữ cơ bản, hiểu sự biến dạng, cách điệu của chữ, hiểu được tính chất, đặc trưng của thể loại báo tường, nắm được những hình thức phổ biến và cách tiến hành trang trí báo tường. Từ đó kẻ được khẩu hiệu có bố cục đẹp, lựa chọn kiểu chữ phù hợp trên cơ sở hiểu một số nguyên tắc về chữ, cách sắp đặt và kẻ chữ. Làm được bài trang trí báo tường theo cách làm truyền thống và có thể dùng máy tính để thực hiện một phần trong trang trí báo tường . Việc học theo trình tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao nhằm tạo cho học sinh từng bước tự mình chủ động tham gia vào quá trình khám phá, lĩnh hội sáng tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và cảm thụ thẩm mỹ. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong các hoạt động ngoại khóa cho trẻ ở trường mầm non, thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu phát triển thẩm mỹ nói riêng cho trẻ mầm non.
III	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	39	
	Bắt buộc		
35	Tâm lý học đại cương	2	Tâm lý học đại cương (TLHĐC) là học phần nghiên cứu các hiện tượng tâm lý chung nhất của con người. Học xong học phần này, người học có thể nắm bắt được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, các quy luật nảy sinh, hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý. Đồng thời TLHĐC

			cũng cung cấp các kiến thức làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các học phần khác của khoa học tâm lý và các môn học có liên quan. TLH nói chung, TLHĐC nói riêng là môn học đề cập đến những hiện tượng bên trong của đời sống tinh thần của con người khó có thể quan sát, đo đếm trực tiếp, nhưng đó là những hiện tượng gắn liền với mọi hoạt động của con người, vì thế đòi hỏi người học phải có khả năng thể hiện và khả năng quan sát các biểu hiện bên ngoài của con người để hiểu đời sống bên trong của họ.
36	Giáo dục học đại cương	2	<p>Giáo dục học đại cương là học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về khoa học giáo dục học như: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục học, các phạm trù cơ bản của giáo dục học. Xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Mục đích giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường.</p> <p>Trên cơ sở những hiểu biết về khoa học giáo dục học, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập bộ môn Giáo dục học mầm non, cũng như việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non sau này</p>
37	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	5	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non là một trong những chuyên ngành của tâm lý học đều dựa trên cơ sở của tâm lý học đại cương. Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non trang bị cho sinh viên kiến thức về các quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, các dạng hoạt động chủ đạo của trẻ ở từng giai đoạn phát triển, các trình độ và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non từ thai nhi đến 6 tuổi; cơ sở tâm lý học của việc tổ chức dạy và học trong trường mầm non; chuẩn bị sẵn sàng tâm lý cho trẻ vào trường tiểu học. Trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học đòi hỏi sinh viên phải có khả năng quan sát những biểu hiện tâm lý ra bên ngoài của trẻ em lứa tuổi mầm non thông qua tổ chức các hoạt động cho trẻ. Từ đó hiểu rõ hơn đặc điểm tâm lý của đối tượng, hiểu cơ sở tâm lý học của các tác động sư phạm, hiểu được con đường để thúc đẩy sự phát triển trí tuệ, đạo đức cho trẻ.
38	Nghề giáo viên mầm non	1	<p>Nghề giáo viên mầm non là học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về : Khái niệm nghề giáo viên mầm non, nhiệm vụ và hoạt động sư phạm của GVMN; công cụ lao động, các kỹ năng nghề nghiệp; Giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN; cũng như những khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của GVMN; những đặc điểm nhân cách, con đường hình thành nhân cách nghề và chuẩn nghề nghiệp của GVMN.</p> <p>Trên cơ sở những hiểu biết về nghề giáo viên mầm non, sinh viên sẽ tích cực học tập, rèn luyện, tu dưỡng bản thân để đáp ứng yêu cầu của hoạt động lao động sư phạm, hình thành phát triển lòng yêu nghề, mên trẻ, có trách nhiệm cao trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ sau này.</p>
39	Giáo dục học mầm non	3	Giáo dục học mầm non (GDHMMN) là một học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về toàn bộ các

			<p>hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ giai đoạn lứa tuổi mầm non và các vấn đề của giáo dục mầm non như: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của GDHMN; Bản chất, nội dung, nguyên tắc, hình thức, phương pháp và các điều kiện giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo; Các dạng hoạt động cơ bản và phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non như: Hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, lao động, tham quan, lễ hội ..; Nội dung, hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình. trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.</p> <p>Trên cơ sở những hiểu biết về giáo dục mầm non sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập. Rèn luyện của bản thân, hình thành lòng yêu nghề, mến trẻ, có trách nhiệm cao trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ sau này</p>
40	Tổ chức hoạt động vui chơi	3	<p>Là học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hoạt động vui chơi của trẻ em (khái niệm, phân loại, ý nghĩa). Sự hình thành và phát triển hoạt động vui chơi trong độ tuổi mầm non. Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình giáo dục mầm non. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi các loại trò chơi. Tổ chức một buổi chơi và chơi trong các thời điểm khác nhau trong ngày.</p>
41	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	<p>Học phần Tổ chức hoạt động tạo hình gồm 2 tín chỉ tương đương 30 tiết, là học phần thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Học phần Tổ chức hoạt động tạo hình cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hoạt động tạo hình như: Khái niệm, đặc điểm phát triển khả năng tạo hình của trẻ, mục đích, nhiệm vụ, ý nghĩa của hoạt động tạo hình với sự phát triển toàn diện của trẻ; phương pháp, hình thức tổ chức và các thể loại tạo hình ở trường mầm non; tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non, thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu phát triển thẩm mỹ nói riêng cho trẻ.</p>
42	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	<p>Học phần gồm 2 tín chỉ học trình tương đương 30 tiết thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức để tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non. Học sinh hiểu được vai trò của Âm nhạc đối với sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ Mầm non, hiểu về đặc điểm khả năng âm nhạc của trẻ MN. Hiểu nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ, phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động âm nhạc ở trường mầm non, được nội dung và các bước tiến hành các dạng hoạt động âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non, thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu phát triển thẩm mỹ nói riêng cho trẻ mầm non.</p>
43	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	<p>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non: vai trò; đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm</p>

			non; nhiệm vụ, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non và các kiến thức về giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt; hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học đồng thời rèn luyện kỹ năng thiết kế giáo án, thực hành tập dạy hoạt động cho trẻ “Làm quen với chữ cái”. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng vào quá trình công tác tại trường mầm non sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn chăm sóc - giáo dục trẻ.
44	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học là một học phần quan trọng trong đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về ý nghĩa, nhiệm vụ, các nguyên tắc, hình thức, phương pháp cơ bản của việc cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, các loại bài dạy trẻ học thuộc thơ, đọc truyện cho trẻ nghe và dạy trẻ kể lại truyện. Trên cơ sở những hiểu biết về học phần, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình học tập, đi thực tế các bộ môn của chuyên ngành, đặc biệt là các học phần phương pháp dạy học bộ môn và việc soạn giáo án để thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
45	Phương pháp làm quen với toán	2	Học phần phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán gồm 2 tín chỉ tương đương 30 tiết, là học phần thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non. Học phần phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hoạt động cho trẻ làm quen với toán, như: các nguyên tắc, các phương pháp dùng để dạy trẻ hình thành các biểu tượng toán học, cũng như nắm được các kiến thức cần phải dạy đối với từng lứa tuổi trẻ. Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức vào tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán ở trường mầm non, thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu phát triển trí tuệ nói riêng cho trẻ mầm non
46	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh	3	Học phần Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh là một trong số nhiều học phần chuyên ngành quan trọng thuộc nhóm kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Nó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh chúng ta cũng như cách truyền tải những nội dung đó đến trẻ mầm non, qua đó bồi dưỡng thêm lòng yêu nghề, yêu trẻ. Thông qua học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức về mặt lý luận chung trong việc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh như khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ, nguyên tắc tổ chức, giúp họ nắm được các nội dung, phương pháp, phương tiện, điều kiện, hình thức, được thực hành tổ chức các hoạt động cho trẻ khám phá khoa học, từ đó bồi dưỡng kỹ năng thực hiện hoạt động dạy học ở trường mầm non.
47	Phương pháp giáo dục thể chất	2	
48	Thực hành sư phạm	4	“Thực hành sư phạm” là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần nhằm rèn luyện cho sinh viên kỹ năng soạn giáo

			án và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo các lĩnh vực phát triển, rèn luyện một số kỹ năng làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các tiết dạy. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ vận dụng hiệu quả vào quá trình thực tập sư phạm và công tác ở trường mầm non.
	Tự chọn 1 (chọn 1 trong 3 HP)	1	
49	Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần "Kỹ năng giao tiếp" là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo giáo ngành giáo dục mầm non. Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống các khái niệm cơ bản của giao tiếp; vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển con người và xã hội. Các hình thức, phương tiện giao tiếp; Văn hóa giao tiếp và hành vi giao tiếp văn hóa, các kỹ năng giao tiếp cơ bản. Từ đó biết vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động giao tiếp của bản thân, cũng như trong hoạt động nghề nghiệp một cách có hiệu quả
50	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	Học phần này trang bị cho người học hệ thống lí luận về khoa học, nghiên cứu khoa học giáo dục, quan điểm phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học giáo dục nói riêng. Giúp người học làm quen với một quy trình thực hiện một đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục và có kỹ năng cơ bản trong công tác đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.
51	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	1	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống là học phần giúp sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản về giá trị sống, kỹ năng sống và giáo dục giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống như: Khái niệm giá trị sống, kỹ năng sống, khái niệm giáo dục giá trị sống, giáo dục kỹ năng sống, các giá trị sống và các kỹ năng sống cơ bản, phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống. Trên cơ sở đó giúp giáo sinh có khả năng hình thành những giá trị sống cơ bản và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non, giúp trẻ có khả năng ứng phó tích cực trước sức ép của cuộc sống và sự lôi kéo thiếu lành mạnh, giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người, sống an toàn, lành mạnh và phát triển tốt.
	Tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 HP)	2	
52	Giáo dục hòa nhập	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt nói chung và trong trường Mầm non nói riêng: Khái niệm về giáo dục hòa nhập, quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập, tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, cách tiến hành giáo dục hòa nhập ở Mầm non, những nguyên tắc cơ bản của việc dạy học hòa nhập và phối hợp các lực lượng hỗ trợ trong giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật nói chung. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng dạy học hòa nhập phù hợp với đặc điểm của từng trẻ.
53	Phát triển chương trình GDMN và một số chuyên đề đổi mới trong GDMN	2	
IV	Thực tập	7	
54	Thực tập sư phạm 1	3	

55	Thực tập sư phạm 2	4	
V	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên ngành thay thế	5	
56	Khóa luận tốt nghiệp	5	
	Các HP chuyên ngành thay thế		
57	Tổ chức hoạt động khám phá trải nghiệm cho trẻ mầm non	3	Học phần Tổ chức hoạt động khám phá trải nghiệm cho trẻ mầm non là một trong số các học phần chuyên ngành thay thế khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp, được đưa vào chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ Cao đẳng. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí luận cũng như thực tiễn về vấn đề tổ chức các hoạt động khám phá trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non như: Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, quy trình, các nguyên tắc tổ chức, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện điều kiện và cách lập kế hoạch tổ chức hoạt động. Bên cạnh đó, ở học phần này, sinh viên còn được rèn luyện kĩ năng tổ chức các hoạt động khám phá trải nghiệm - loại hình hoạt động rất phong phú, đa dạng và hiệu quả đối với việc học của trẻ mầm non hiện nay.
58	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	Học phần giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non là một học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, được chọn làm môn thi thay thế môn tốt nghiệp cho sinh viên hệ cao đẳng ngành mầm non. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục hành vi văn hóa như: khái niệm chung về hành vi văn hóa; các loại hành vi văn hóa; đặc điểm phát triển hành vi văn hóa của trẻ mẫu giáo; nguyên tắc, nội dung giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi; phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi và giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt. Trên cơ sở những kiến thức cơ bản, sinh viên thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ và vận dụng vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ sau khi ra trường
	Tổng cộng	110	
